

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNPT
Ngày: 23- 6-2021
V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Cẩm Thúy

- *Các Thẩm phán:* Bà: Trương Thị Liên

Bà: Lê Thị Minh Trang

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Anh

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2021/TLPT- HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp: “*Ly hôn, nuôi con*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/HN ST ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 70/2021/QĐPT- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Thái H**, sinh năm 1993. (*có mặt*)

Địa chỉ: Phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Chị **Võ Thị Hồng T**, sinh năm 1999. (*có mặt*)

Địa chỉ: Phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Thái H trình bày và yêu cầu:

Ông và bà Võ Thị Hồng T có thời gian quen biết tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ vào ngày 06/9/2017. Vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu

thuần là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến bất hòa về tình cảm, vợ chồng có dành thời gian để hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả. Nên nay ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: ông và bà T có hai con chung là cháu Trần Thị M (nữ) sinh ngày 11/8/2017 và Trần Bảo A (nam) sinh ngày 10/9/2019. Ông yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông xác định ông và bà T không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Võ Thị Hồng T trình bày: bà thống nhất với lời trình bày của ông H về quan hệ hôn nhân của ông bà; bà thừa nhận là giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được, hiện tại tình cảm không còn nên bà đồng ý ly hôn với ông H.

Về tài sản chung và nợ chung: bà xác định ông bà không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết.

Riêng về phần con chung thì bà không thống nhất với yêu cầu của ông H; bà yêu cầu được nuôi cả hai con là cháu Trần Thị M (nữ) sinh ngày 11/8/2017 và Trần Bảo A (nam) sinh ngày 10/9/2019, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản án số 12/2021/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 3 năm 2021 Tòa án nhân dân quận Ô Môn đã xét xử và Quyết định như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thái H.

Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Thái H được ly hôn với bà Võ Thị Hồng T.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị M (nữ) sinh ngày 11/8/2017 và Trần Bảo A (nam) sinh ngày 10/9/2019 cho bà Võ Thị Hồng T nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản ông H thực hiện quyền này.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp và có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thái H về việc yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Thị M đến trưởng thành.

Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Thái H phải nộp số tiền 300.000đ chuyển số tiền 300.000đ ông H đã nộp theo biên lai thu số 011471 ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền - thời hạn kháng cáo và Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021 nguyên đơn ông Trần Thái H có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về con chung; ông yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho ông được quyền nuôi con là cháu Trần Thị M đến trưởng thành, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Thái H và bà Võ Thị Hồng T xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng qui định pháp luật; vì vậy hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh khi có yêu cầu. Sau khi chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân; cả hai đều thừa nhận không thể khắc phục được mâu thuẫn và không còn tình cảm với nhau nên không thể tiếp tục chung sống với nhau. Trong quá trình giải quyết ông bà thống nhất với nhau về quan hệ hôn nhân và xác định không có tài sản chung nợ chung, nhưng lại không thỏa thuận thống nhất được với nhau về quan hệ con chung. Do vậy, cấp sơ thẩm đã đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ và đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi án sơ thẩm xử xong bị đơn bà Võ Thị Hồng T không có đơn kháng cáo. Nguyên đơn ông Trần Thái H không đồng ý với bản án sơ thẩm và có đơn kháng cáo; tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như trong đơn đã nêu cụ thể là kháng cáo phần con chung, các phần khác của bản án sơ thẩm ông không kháng cáo và không cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

[3] Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu;

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định pháp luật kể từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và hạn

nộp tạm ứng kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định, nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo: Ông H nêu ra lý do là nhà gần trường, có điều kiện về mặt thời gian và đủ kinh tế để nuôi cháu M, trong khi bà T phải đi làm suốt ngày và có khi phải tăng ca nên không có đủ thời gian chăm sóc con. Xét thấy: Việc bà T chăm sóc cháu M từ khi ông bà ly thân đến nay chính ông H cũng xác nhận là việc chăm sóc tốt, ông đến và thăm con cũng không gặp sự ngăn cản nào. Do vậy cần ổn định về mặt tâm lý cũng như không xáo trộn về cuộc sống của cháu M, nên cần giữ y bản án sơ thẩm. Nếu sau này ông H có đủ chứng cứ chứng minh việc cháu M do bà T nuôi dưỡng không tốt thì ông có quyền khởi kiện xin thay đổi người nuôi con theo quy định.

Viện kiểm sát đề nghị: Giữ y bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của ông H. Ông H chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm ông H trình bày là do ông có điều kiện nhà gần trường học, ông có thu nhập ổn định từ cửa hàng bán đồ gia dụng tại nhà, ngoài ra ông có thời gian để chăm sóc con nhiều hơn so với bà T, nên ông kháng cáo yêu cầu được nuôi cháu Trần Thị M. Nhận thấy về việc trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị M thì cả ông H và bà T đều có điều kiện để nuôi con chung về mặt kinh tế và chăm sóc con, ngoài ra ông bà còn được nhận sự hỗ trợ của gia đình để chăm sóc các cháu. Từ khi ông bà ly thân đến nay cháu M sống với mẹ và gia đình ngoại một tuần, một tuần sống với cha và ông bà nội. Ông H cũng thừa nhận là bà T chăm sóc con chưa có điều gì là không tốt, mỗi khi ông đến rước cháu M cũng không gặp bất cứ sự cản trở nào từ bà T và gia đình bà. Mặt khác, ông kháng cáo là do ông lo sợ cháu M là con gái, sau này bà T có chồng khác thì sẽ có nhiều bất lợi cho cháu M, với lý do này ông nêu ra là chưa xảy ra trong thực tế, do ông suy đoán và chưa cung cấp được chứng cứ chứng minh quyền và lợi ích mọi mặt của cháu M bị xâm hại khi cháu ở với mẹ mình. Do vậy tránh sự xáo trộn cuộc sống của trẻ cũng như đảm bảo các điều kiện cho sự phát triển về mọi mặt thể chất và tâm sinh lý của trẻ, đặc biệt là sự gắn bó quần quýt của hai cháu M và Bảo A trong sinh hoạt hàng ngày, nên cần ổn định việc giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng quy định và phù hợp thực tế. Do vậy kháng cáo của ông H chưa đủ cơ sở để cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Y án sơ thẩm. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Thái H.

1/Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thái H được ly hôn với bà Võ Thị Hồng T.

Về con chung: Giao cháu Trần Thị M (nữ) sinh ngày 11/8/2017 và Trần Bảo A (nam) sinh ngày 10/9/2019 cho bà Võ Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng và không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

Ông H được quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản ông H thực hiện quyền này.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp và có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết. Nên không xem xét giải quyết.

2/Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Thái H phải nộp số tiền 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 011471 ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thành án phí. Nguyên đơn đã nộp xong tiền án phí.

3/Về án phí phúc thẩm: Ông Trần Thái H phải nộp số tiền 300.000đ chuyển số tiền 300.000đ tạm ứng kháng cáo theo biên lai thu số 011542 ngày 09 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND Q. Ô Môn;
- Chi cục THA.DS Q. Ô Môn;
- VKSND. TPCT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Bùi Thị Cẩm Thúy